

Bản án số: 125/2018/HNGĐ -ST

Ngày 29/11/2018

“*V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ HÀO - HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Khải.

2. Bà Lê Thị Tiên.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đăng Toàn - Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào.

Đại diện VKSND huyện Mỹ Hào tham gia phiên toà: Bà Đặng Hiền Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc “*kiện ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/11/2018, giữa:

\* **Nguyên đơn:** Chị Trương Thị N, sinh năm 1982 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ HKTT: Khu T, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Thái Bình.

\* **Bị đơn:** Anh Vũ Hữu C, sinh năm 1981 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ HKTT: Thôn P, xã D, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cháu Vũ Thị Hà Q, sinh ngày 16/03/2010 (*Vắng mặt*).

*Người đại diện theo pháp luật cho cháu Vũ Thị Hà Q:* Chị Trương Thị N, sinh năm 1982 (*Vắng mặt*).

Đều địa chỉ HKTT: Khu T, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Thái Bình.

\* **Người làm chứng:**

1. Ông Vũ Hữu X, sinh năm 1957 (*Vắng mặt*).

2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1957 (*Vắng mặt*).

Đều địa chỉ HKTT: Thôn P, xã D, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

3. Bà Ngô Thị D, sinh năm 1958 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ HKTT: Khu T, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Thái Bình.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trương Thị N trình bày trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Hữu C đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã D ngày 29/5/2009 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau ngày cưới chị N về chung sống bình thường cùng anh Cương tại gia đình nhà anh C tại thôn P, xã Dị Sử, huyện M, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh C đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn là cuối năm 2010 và liên tục mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Hơn nữa, anh C có cách cư xử không đúng mực với chị, thậm chí đánh chị. Mặc dù hai bên gia đình cũng khuyên bảo để vợ chồng bỏ qua mâu thuẫn nhưng tình cảm không được cải thiện. Do vậy, chị Ngân đã đi về nhà bố mẹ đẻ tại ở huyện H1, tỉnh Thái Bình từ tháng 12 năm 2010 và từ khi đi chị không quay trở lại chung sống cùng anh C lần nào, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau, không quan hệ vợ chồng. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh C, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống không hạnh phúc. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Vũ Thị Hà Q, sinh ngày 16/3/2010. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Q cho chị chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi thành niên và chị tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị N tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Vũ Hữu C: Mặc dù đã được Tòa án nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ để trình bày về tất cả các vấn đề trên khi giải quyết vụ án ly hôn nhưng anh C đều vắng mặt và đến nay cũng chưa trực tiếp đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình mà anh C chỉ bày tỏ ý kiến thông qua bố đẻ của anh là ông Vũ Hữu X và bà Lê Thị B về việc đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng là ông Vũ Hữu X, bà Lê Thị B (là bố, mẹ đẻ của anh C) và bà Ngô Thị D (là mẹ đẻ của chị N) đều xác định giữa chị N và anh C đã phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau về quan điểm sống. Bà D còn cho rằng, chị N và anh C đã ly thân nhau từ năm 2010 đến nay đã khoảng 08 năm, không còn yêu thương nhau nữa, nếu cứ tình trạng này thì chỉ khổ cả hai bên và bà có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N. Đối với ông X và bà B thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh Cương đều vắng mặt nên không hòa giải được, do đó phải đưa vụ kiện ra xét xử.

***Tại phiên toà hôm nay:***

Nguyên đơn là chị Trương Thị N vắng mặt (*Chị Ngân đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*). Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị N và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Hòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Tòa án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh C; Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Hà Q, sinh ngày 16/03/2010 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị N và anh Vũ Hữu C đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện M ngày 29/5/2009 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị N khởi kiện xin ly hôn với anh C nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh C có địa chỉ cư trú tại thôn P, xã D, huyện M nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hưng Yên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng. Tuy nhiên, nguyên đơn là chị N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh C vắng mặt lần hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ, trong đó ông X, bà B và bà D đã có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của chị Ngân, bố mẹ đẻ của anh C và bà D là mẹ đẻ của chị N đã thể hiện rõ trong quá trình chung sống giữa chị N và anh C đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn là từ năm 2010 và liên tục mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về quan điểm sống và không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Thực tế chị N đã đi về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn H, tỉnh Thái Bình từ tháng 12 năm 2010 và không quay trở lại chung sống cùng anh C lần nào, việc của ai người ấy lo nên có đủ căn cứ xác định anh chị đã ly thân từ thời điểm đó cho đến nay, tình cảm lạnh nhạt với nhau,

không quan hệ vợ chồng. Anh C biết rất rõ chị N làm đơn ly hôn, Tòa án đã thụ lý, giải quyết và Tòa án đã rất nhiều lần thông báo, triệu tập anh đến Tòa án để làm việc nhưng anh đều vắng mặt không lý do. Mặc dù vậy, qua lời trình bày của bố mẹ đẻ và mẹ vợ của anh C đã cho thấy tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn, phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng là mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có đầy đủ căn cứ cho ly hôn. Vì vậy, Tòa án sẽ chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và giải quyết cho chị N được ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị N và anh Vũ Hữu C có 01 con chung là cháu Vũ Thị Hà Q, sinh ngày 16/3/2010. Xét quan điểm của chị N yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng, Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại chị N có công việc và thu nhập ổn định, hơn nữa cháu Q đã ở với chị N từ nhỏ cho đến nay, được sự hỗ trợ chăm sóc của ông bà ngoại nên việc cháu Q tiếp tục ở với chị N là phù hợp, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho cháu Q. Do đó, yêu cầu được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng của chị N được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Q cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên và ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị N tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C đã biết rõ việc Tòa án đã thụ lý và đang giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của chị N đối với anh, nhưng anh đều vắng mặt không có lý do nên chưa có ý kiến trực tiếp với Tòa án. Vì vậy, các vấn đề này sẽ không đặt ra để giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 56, 57, 73, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Trương Thị N được ly hôn anh Vũ Hữu C.

**2. Về con chung:** Giao cháu Vũ Thị Hà Q, sinh ngày 16/03/2010 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Anh C và chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

**3. Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp:** Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

**4. Về án phí:** Buộc chị Trương Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 013339 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Hòa, chị N đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

**5. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

*\* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mỹ Hòa;
- Phòng KTNV và THA- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Hòa;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã Dị Sử;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Trần Văn Thương**